

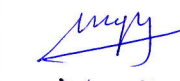
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

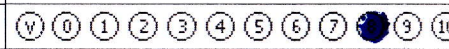
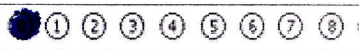
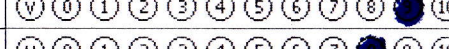
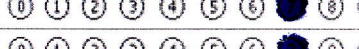
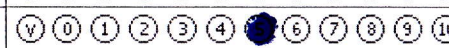
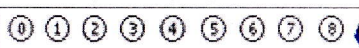
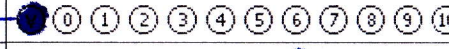
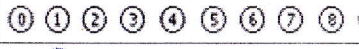
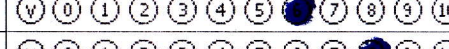
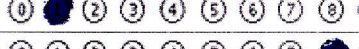
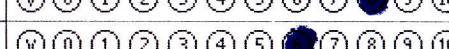
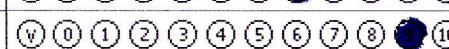
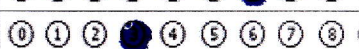
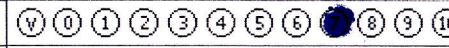
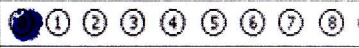
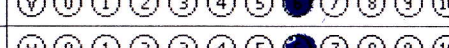
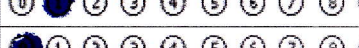
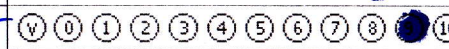
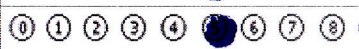
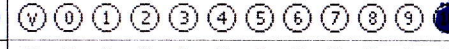
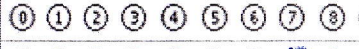
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: Solidworks (227138) - Nhóm 02

D: Phạm Xuân Vũ (270031)

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Huỳnh H N Trang	 Phạm Xuân Vũ	 Huỳnh Hà N Trang	 Phạm Xuân Vũ

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120030035	PHẠM DƯƠNG QUỐC ANH	19/01/2001	CCQ2003B				8.0	8.0	8.0		
2120030145	HỒ GIA BẢO	24/10/2002	CCQ2003E				5.3	5.0	5.1		
2120030146	TRẦN CHÍ DŨNG	27/12/2002	CCQ2003E				9.1	10	9.2		
2120030147	NINH ĐẮC DƯƠNG	30/12/2002	CCQ2003E				9.8	8.0	8.2		
2119030141	PHẠM HOÀNG THÁI DƯƠNG	02/02/2001	CCQ1903E								
2120030109	VÕ TIẾN ĐẠT	24/08/2002	CCQ2003D				7.1	5.0	5.9		
2120030110	NGUYỄN CHƠN ĐÔNG	09/09/2002	CCQ2003D								
2120030111	ĐINH NHẬT HÀO	26/02/2002	CCQ2003D				2.8	5.0	6.1		
2120030151	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	23/10/2002	CCQ2003E				9.9	8.0	8.8		
2120030113	PHAN TRỌNG HIẾU	02/05/2002	CCQ2003D				7.4	6.0	6.6		
2120030114	ĐÀO THANH HOÀNG	27/09/2002	CCQ2003D				9.6	9.0	9.3		
2120030142	NGUYỄN PHI HÙNG	11/11/2002	CCQ2003E				7.8	6.5	7.0		
2120030153	PHẠM KHANG HUY	02/06/2001	CCQ2003E				7.1	6.0	6.5		
2120030154	ĐINH QUANG KHÁI	12/09/2002	CCQ2003E				7.8	5.0	6.1		
2120030116	NGUYỄN VĂN ĐĂNG KHOA	19/08/2000	CCQ2003D				7.4	5.0	6.0		
2118030162	LÊ THÀNH LONG	13/05/2000	CCQ1803C				9.1	8.0	8.5		
2120030117	NGUYỄN HÙNG MẠNH	14/06/2002	CCQ2003D				8.8	10	9.5		
2120030119	HỒ SĨ MẾN	14/03/2002	CCQ2003D				9.9	10	10		
2120030121	NGUYỄN VĂN NAM	17/08/2002	CCQ2003D				6.0	5.5	5.2		
2120030155	PHAN CÔNG NAM	25/04/2002	CCQ2003E				9.5	6.0	7.4		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: Solidworks (227138) - Nhóm 02

D: Phạm Xuân Vũ (270031)

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Đình Hà</i> Nguyễn Đình Hà	<i>Phạm Xuân Vũ</i> Phạm Xuân Vũ	<i>Nguyễn Đình Hà</i> Nguyễn Đình Hà	<i>Phạm Xuân Vũ</i> Phạm Xuân Vũ

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120030156	TRẦN MINH NGHĨA	17/06/2002	CCQ2003E			<i>Ngô</i>	2,3	8,0	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030161	LƯƠNG NGỌC PHÁT	12/07/2002	CCQ2003E			<i>Phát</i>	9,8	6,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030123	NGUYỄN THÀNH PHI	02/02/2002	CCQ2003D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030162	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	15/10/2002	CCQ2003E			<i>Phú</i>	8,1	5,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030163	TRẦN VĂN PHÚ	30/10/2002	CCQ2003E			<i>Phú</i>	2,5	2,0	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030124	BÙI HIỆP PHƯỚC	11/03/2002	CCQ2003D			<i>Phước</i>	8,9	1,0	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030125	LÊ THANH SANG	18/10/2002	CCQ2003D			<i>Sang</i>	9,1	1,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030191	CAO MINH TÀI	24/06/2001	CCQ2003F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030130	NGUYỄN VĂN THẮNG	03/11/2001	CCQ2003D			<i>Thắng</i>	6,1	6,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030193	TRỊNH ĐÌNH THẮNG	18/03/2002	CCQ2003F			<i>Thắng</i>	8,3	6,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030169	PHAN NGUYỄN MINH THIÊN	21/03/2002	CCQ2003E			<i>Thiên</i>	5,9	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030132	HỒ VĂN THỐNG	28/08/2002	CCQ2003D			<i>Thống</i>	8,1	9,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030133	NGUYỄN VĂN TIẾN	15/12/2002	CCQ2003D			<i>Tiến</i>	9,8	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030172	LÊ THANH TOÀN	01/08/2002	CCQ2003E			<i>Toàn</i>	6,1	7,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030136	HOÀNG VĂN TUẤN	05/06/2002	CCQ2003D			<i>Tuấn</i>	8,5	1,0	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030183	NGUYỄN SINH TUẤN	19/09/2002	CCQ2003F			<i>Tuấn</i>	8,4	2,0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030102	TRẦN THANH TÙNG	16/05/2002	CCQ2003C			<i>Tùng</i>	2,0	4,0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030104	NGUYỄN VĂN TY	10/03/2002	CCQ2003C			<i>Ty</i>	2,8	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: Solidworks (227138) - Nhóm 01

: Phạm Xuân Vũ (270031)

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>my</i> Hà N Dang	<i>Khac</i> Xuan	<i>my</i> Huỳnh Hà Nghiem Trang	<i>Khac</i> Xuan

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120030070	ĐÀO VĂN ANH	25/03/2002	CCQ2003C			<i>AD</i>	8.2	6.0	6.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030073	ĐỖ NGUYỄN QUANG DŨNG	09/05/2001	CCQ2003C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030140	TỬ CÔNG DƯ	19/11/2002	CCQ2003E			<i>Duc</i>	8.8	9.0	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2119140004	ĐINH TẤN ĐẠT	11/10/2001	CCQ1914A			<i>Da</i>	6.3	6.0	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030075	HỒ HỮU MINH ĐẠT	13/08/2002	CCQ2003C			<i>Ho</i>	8.8	9.0	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030076	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	30/09/2002	CCQ2003C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030077	NGUYỄN THANH HẢO	02/07/2002	CCQ2003C			<i>Hao</i>	8.2	8.0	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030078	NGUYỄN CHÍ HIỆP	07/03/2002	CCQ2003C			<i>Hiap</i>	8.0	7.0	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030007	TỬ-HIỆP HOÀNG	18/11/2002	CCQ2003A			<i>Th</i>	7.5	9.0	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030079	VÕ VĂN HUỖNH	13/12/2002	CCQ2003C			<i>Huy</i>	6.5	4.0	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030080	ĐÀO DUY KHANG	22/05/2002	CCQ2003C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030081	HỒ HOÀNG KHIÊM	14/04/2002	CCQ2003C			<i>Khiem</i>	6.3	5.0	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2118030026	LÊ MINH KHOA	13/02/2000	CCQ1803A							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030082	BÙI ANH KIẾT	22/04/2002	CCQ2003C			<i>Be</i>	7.8	7.0	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030084	LÊ VĂN LUÂN	29/08/2002	CCQ2003C			<i>Luân</i>	6.0	7.0	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030086	THÁI MINH MÃN	01/01/2002	CCQ2003C			<i>Minh</i>	8.3	9.0	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030087	LÊ PHÁT MINH	05/12/2002	CCQ2003C			<i>Minh</i>	8.4	9.0	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030088	NGUYỄN VĂN MINH	25/11/2002	CCQ2003C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030090	TRƯƠNG CÔNG NGHĨA	25/12/2002	CCQ2003C			<i>Nghia</i>	7.5	7.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2120030021	ĐIẾU PHONG	03/09/2001	CCQ2003A			<i>Phong</i>	9.4	9.0	9.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Solidworks (227138) - Nhóm 01**

D: **Phạm Xuân Vũ (270031)**

Số SV có mặt: 24.....

Số bài thi: 24.....

Số tờ giấy thi: 24.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>nguyễn</i> Hà Hải N Trang	<i>Xuân</i> P.Xuân	<i>nguyễn</i> Huỳnh Hà N Trang	<i>Xuân</i> P.Xuân

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120030181	TÔN VĂN QUÍ	03/09/2002	CCQ2003F			<i>Quí</i>	<i>7,3</i>	<i>2,0</i>	<i>2,1</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120030165	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	09/01/2001	CCQ2003E			<i>Quốc</i>	<i>8,9</i>	<i>9,0</i>	<i>9,0</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120030094	TRẦN VĂN SANG	28/11/2002	CCQ2003C			<i>Sang</i>	<i>8,4</i>	<i>8,0</i>	<i>8,2</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120030097	LÊ TẤN THẠCH	06/02/2002	CCQ2003C			<i>Thạch</i>	<i>8,0</i>	<i>7,0</i>	<i>7,2</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120030096	NGUYỄN CHÍ THÀNH	11/12/2002	CCQ2003C			<i>Thành</i>	<i>7,3</i>	<i>9,0</i>	<i>8,3</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120030099	BÙI THANH TIÊN	18/10/2001	CCQ2003C			<i>Tiên</i>	<i>7,5</i>	<i>5,0</i>	<i>6,0</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2120060025	ĐOÀN CHÁNH TÍN	04/08/2002	CCQ2003F			<i>Tín</i>	<i>9,3</i>	<i>7,0</i>	<i>7,9</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
2120030101	NGUYỄN MINH TRÍ	04/10/2002	CCQ2003C			<i>Trí</i>	<i>8,8</i>	<i>6,0</i>	<i>7,1</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2118040054	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	27/11/2000	CCQ1804A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2118030066	PHẠM VĂN VƯỢNG	12/03/2000	CCQ1803A			<i>Vượng</i>	<i>7,6</i>	<i>6,0</i>	<i>6,6</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: Solidworks (227138) - Nhóm 03

D: Huỳnh Hà Nghiênm Trang (270021)

Số SV có mặt: 51
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Xuân	Hyình + N Trang	Xuân	A Hà N Trang

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2119030171	LÂM HOÀI ANH	01/11/2000	CCQ1903F			Aeq	7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2118140058	VŨ ĐỨC CẢNH	08/07/2000	CCQ1814B			Cảnh	7,2	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030137	TRƯƠNG THANH CẦN	01/01/2001	CCQ1903E			Cần	7,7	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030173	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	23/11/2001	CCQ1903F			Cường	6,0	5,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030144	NGUYỄN GIANG	28/10/2001	CCQ1903E			Giang	8,7	9,0	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030147	NGUYỄN HUY	28/10/2001	CCQ1903E			Huy	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030149	NGUYỄN KHAI HƯNG	15/05/2001	CCQ1903E			Hung	8,8	8,5	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030184	NGUYỄN VĂN HƯNG	07/04/2001	CCQ1903F			Hung	8,3	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030187	LÊ THÀNH KHAI	12/08/2001	CCQ1903F			Khai	8,2	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030186	PHAN KHANG	20/10/2001	CCQ1903F			Khang	7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120140055	NGUYỄN DUY KHÁNH	17/02/2002	CCQ2014B			Khánh	7,9	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030191	NGÔ TRỌNG NHÂN	07/08/2001	CCQ1903F							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030158	ĐỖ ANH NHỰT	16/04/2001	CCQ1903E			Nhut	7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030192	VÕ VĂN PHONG	17/04/2001	CCQ1903F			Phong	8,3	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120140022	BÙI NGỌC PHỤNG	27/02/2002	CCQ2014A			Phung	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120140023	TRẦN MINH QUANG	14/03/2002	CCQ2014A			Quang	7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030162	HUỖNH NHẬT TÀI	19/12/2001	CCQ1903E			Tai	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120140037	VÕ DUY TÂM	02/09/2002	CCQ2014B			Tam	7,5	8,8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030196	NGUYỄN HOÀI THANH	22/04/2001	CCQ1903F			Thanh	7,7	7,3	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030164	NGUYỄN HUỖNH THÂN	08/06/2001	CCQ1903E			Thân	7,7	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: Solidworks (227138) - Nhóm 03

D: Huỳnh Hà Nghiê m Trang (270021)

Số SV có mặt:31.....

Số bài thi:31.....

Số tờ giấy thi:31.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i> Huỳnh Hà Nghiê m Trang	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i> H Hà N Trang

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2119030095	NGUYỄN HOÀNG THẾ THÔNG	01/01/2001	CCQ1903C			<i>[Signature]</i>	9,0	8,0	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2120140030	NGUYỄN DUY TÍNH	09/02/2002	CCQ2014A			<i>[Signature]</i>	7,0	7,8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030198	NGUYỄN ĐỨC TÔN	16/02/2001	CCQ1903F			<i>[Signature]</i>	7,3	8,0	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2121030036	MIẾU VĂN TRÊN	20/10/2001	CCQ2103B			<i>[Signature]</i>	7,8	7,0	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030199	TRẦN SƠN TRÍ	24/04/2001	CCQ1903F			<i>[Signature]</i>	7,0	7,8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2120140031	NGUYỄN AN TRƯỜNG	11/02/2002	CCQ2014A			<i>[Signature]</i>	7,8	8,8	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030166	PHẠM NGỌC TRƯỜNG	28/04/2001	CCQ1903E			<i>[Signature]</i>	7,9	7,8	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030167	PHẠM VŨ TRƯỜNG	21/08/2001	CCQ1903E			<i>[Signature]</i>	7,8	7,8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2120140032	VƯƠNG CÔNG TUYỀN	29/10/2002	CCQ2014A			<i>[Signature]</i>	7,8	8,0	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030168	VÕ VĂN TUỜNG	11/02/2001	CCQ1903E			<i>[Signature]</i>	7,8	7,0	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030169	TRƯƠNG QUANG VINH	20/08/2001	CCQ1903E			<i>[Signature]</i>	9,0	8,5	8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2119030208	TRẦN MINH VŨ	27/08/2001	CCQ1903E			<i>[Signature]</i>	7,5	8,0	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)